

Số: 950 /QĐ- CCKL

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 11 năm 2024

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024**

**(Tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024)**

**Đơn vị: Văn phòng Chi cục Kiểm lâm**

## **CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Chi cục Kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-SNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-CCKL ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Kiểm lâm về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng hành chính, tổng hợp.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giảm dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Chi cục Kiểm lâm, cụ thể như sau:

Tổng dự toán giảm trong năm 2024: 119.979.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi quản lý hành chính: 49.654.000 đồng

(Ngân sách cấp: 49.174.000 đồng; Nguồn thu phí để lại theo chế độ: 480.000 đồng)

- Chi sự nghiệp Nông lâm - Thủy lợi - Thủy sản: 70.325.000 đồng  
(Có phụ lục đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Trưởng phòng: Hành chính, tổng hợp; Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên; Tổ chức, tuyên truyền và xây dựng lực lượng; Thanh tra, Pháp chế; Sử dụng và Phát triển rừng và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:** *an*

- Như điều 3; ✓
- Sở NN&PTNT (b/cáo);
- Lưu: VT, KTT.



**Lê Ngọc Tuấn**

Đơn vị: Văn phòng Chi cục Kiểm lâm

Mã chương: 412



## DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 95/QĐ- CCKL ngày 15 tháng 11 năm 2024)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT     | Nội dung                                                                                 | Dự toán giảm chi ngân sách |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| I         | Dự toán chi từ nguồn thu phí để lại                                                      | 0,480                      |
| II        | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                           | 119,499                    |
| A         | Quản lý hành chính                                                                       | 49,174                     |
| B         | Sự nghiệp Nông lâm -TL-TS                                                                | 70,325                     |
| 1         | Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính (theo TT 153/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính)           | 1,250                      |
| 2         | Chi phí QLVR-PCCCR                                                                       | 14,250                     |
| 3         | Kinh phí chỉ đạo các hoạt động lâm sinh; Kiểm lâm toàn tỉnh và Hội nghị Kiểm lâm địa bàn | 17,500                     |
| 4         | Kinh phí theo dõi diễn biến rừng                                                         | 1,000                      |
| 5         | Kinh phí thực hiện Chi thị số 65/2015/CT-UBND                                            | 3,750                      |
| 6         | Sửa chữa tài sản cố định, xe ô tô phục vụ công tác                                       | 5,500                      |
| 7         | Mua sắm tài sản cố định                                                                  | 2,575                      |
| 8         | Kinh phí sửa chữa, nâng cấp các trụ sở làm việc, nhà bảo vệ rừng và Trạm Kiểm lâm        | 24,500                     |
| TỔNG CỘNG |                                                                                          | 119,979                    |